

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 16/4/2021.  
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Hữu và bà Bạc Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thào A Thu, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Ông Giàng A Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2021/TLST-HN&GD ngày 01 tháng 3 năm 2021 về Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị D, sinh năm 1998; địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cà Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Bản H, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26 tháng 02 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tòng Thị D trình bày:

**Về hôn nhân:** Chị Tòng Thị D và anh Cà Văn T đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/02/2017. Quá trình chung sống kể từ khi kết hôn hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T sử dụng ma túy, khi chị khuyên can thì đã dùng bạo lực đối với chị D. Đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải, nhưng anh T không thay đổi. Đến tháng 01/2019 chị D không còn sống chung với anh T nữa, trong thời gian không chung sống giữa hai vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Đến nay chị D không còn tình cảm với anh T, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Cà Văn T.

**Về con chung:** Chị Tòng Thị D và anh Cà Văn T, có 01 người con chung, cháu tên là Cà Thị Ánh T; sinh ngày 29/01/2018. Hiện tại con chung do chị D trực

tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do chị D có thu nhập và nhà ở ổn định đảm bảo đời sống cho con nên không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D về giao nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Chị Tòng Thị D đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại đơn vắng mặt anh T trình bày: Anh T đã nhận được các tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án, anh T xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của hai bên đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn với anh T; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Cà Thị Ánh T; sinh ngày 29/01/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh T chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tòng Thị D, do chị D là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Tòng Thị D với anh Cà Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị D nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh T có nơi ĐKKHTT tại bản H, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; việc đưa ra xét xử vắng mặt anh T vẫn đảm bảo quyền lợi cho anh T phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Tòng Thị D và anh Cà Văn T đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/02/2017. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc năm đầu sau đó

thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T sử dụng ma túy, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thay đổi, do không thể chung sống nên chị D đã sống ly thân với anh T từ tháng 01/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo để hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ, mặc dù anh T đã nhận được giấy thông báo của Tòa án, nhưng anh T không có mặt, qua đó thấy rằng anh T không có thiện trí để hòa giải quay về đoàn tụ. Do thấy cuộc sống chung không thể tiếp tục, nên chị D cũng có đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải giữa anh chị. Qua quá trình xác minh tại địa phương nơi anh chị sinh sống thấy rằng, giữa hai anh chị đã có mâu thuẫn nguyên nhân, do anh T sử dụng ma túy nên chị D đã bỏ đi về nhà bố mẹ để ở cho đến nay không quay về với anh T nữa. Từ những căn cứ trên thấy rằng tình cảm vợ chồng của chị D và anh T đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị D, cho chị Tòng Thị D ly hôn với anh Cà Văn T.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Tòng Thị D thì thấy: Việc giao nuôi con chung cho chị D là hoàn toàn phù hợp để đảm bảo cho con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho chị Tòng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Do anh T thu nhập còn bấp bênh, không đảm bảo nên chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của các đương sự, nên cần chấp nhận.

[3.2] Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Tòng Thị D đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị D được ly hôn với anh Cà Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Tòng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Cà Thị Ánh T; sinh ngày 29/01/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Cà Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Tòng Thị D có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Cà Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Chị Tòng Thị D, anh Cà Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị D được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tòng Thị D, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/4/2021). Anh Cà Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Chiềng Sinh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**









***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**